



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG
THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP
(SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LẦN THỨ HAI)

Địa chỉ: 95/2 Chùa Bộc - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội

Tel: (04) 38525339

Fax: (04) 35632169

Email: vanphong@hec.com.vn

Website: hec.com.vn

HÀ NỘI, THÁNG 4 - 2016

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP
(Hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.
- Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 19/6/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyển Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi I sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.
- Căn cứ Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc chuyển Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam thành Tổng công ty cổ phần tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam.
- Căn cứ Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/6/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc điều chỉnh tên gọi Tổng công ty cổ phần tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam thành Tổng công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP.

Chúng tôi là những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP ngày 28 tháng 4 năm 2016 đã nhất trí thông qua nội dung của bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ hai và cùng cam kết thực hiện bản Điều lệ này. Bản Điều lệ sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Tổng công ty.

CHƯƠNG I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Giải thích từ ngữ

1. "Tổng công ty" là Tổng công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP.
2. "Hội đồng quản trị" là Hội đồng quản trị Tổng công ty.
3. "Luật Doanh nghiệp" là **Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.**
4. "Vốn điều lệ" là số vốn do các cổ đông đóng góp trong từng thời kỳ, được các cổ đông thông qua bằng quyết định đặc biệt và được ghi vào Điều lệ Tổng công ty.
5. "Cổ phần phổ thông" là một đơn vị của vốn điều lệ của Tổng công ty và cho phép người nắm giữ có các quyền nêu trong Điều lệ này.
6. **"Người có liên quan" là những người được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.**
7. "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Tổng công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
8. "Cổ đông" là người sở hữu ít nhất 01 cổ phần đã phát hành của Tổng công ty.
"Cổ đông sáng lập" là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Tổng công ty.
9. "Cổ phiếu" là chứng chỉ do **Tổng công ty** phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên.
10. "Cán bộ quản lý" là thành viên Hội đồng quản trị (sau đây gọi tắt là HĐQT), Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ khác được Hội đồng quản trị chỉ định làm cán bộ quản lý của Tổng công ty.

Điều 2: Tên Tổng công ty và hình thức doanh nghiệp

- 2.1 Tên Tổng công ty:

Tổng công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP

2.2 Tên giao dịch trong nước:

Tổng công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP

2.3 Tên giao dịch quốc tế:

Vietnam Hydraulic Engineering Consultants Corporation - JSC

2.4 Tên viết tắt: HEC CORP

2.5 Thương hiệu (Lôgô): Là nhãn hiệu hàng hóa của Tổng công ty được thể hiện như sau:

Hình vẽ:



Chữ: **HEC**

2.6 Tổng công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty mẹ là Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam (trước đây là Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi I), được tổ chức và hoạt động theo **Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.**

Điều 3: Trụ sở và các chi nhánh của Tổng công ty

3.1 Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại:

- 95/2 Chùa Bộc - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (04) 38525339
- Fax: (04) 35632169
- Email: vanphong@hec.com.vn
- Website: hec.com.vn

3.2 Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và tách, nhập, thành lập các đơn vị mới để thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh của Tổng công ty phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phạm vi pháp luật cho phép.

Điều 4: Tư cách pháp nhân

4.1 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15 tháng 10 năm 2007 về việc chuyển doanh nghiệp nhà

nước: Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam thành Tổng công ty cổ phần tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/6/2008 về việc điều chỉnh tên gọi Tổng công ty cổ phần tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam thành Tổng công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP.

- 4.2 Tổng công ty, trong đó các cổ đông cùng góp vốn điều lệ, cùng chia nhau lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi phần vốn của mình và góp bằng giá trị cổ phần mình sở hữu. Lợi ích của người góp vốn dưới hình thức mua cổ phần sẽ được bảo hộ bởi các quy định của pháp luật hiện hành.
- 4.3 Thuộc sở hữu của các cổ đông.
- 4.4 Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- 4.5 Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- 4.6 Có bản Điều lệ về tổ chức hoạt động của Tổng công ty.
- 4.7 Có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ.
- 4.8 Hạch toán độc lập, tự chủ về tài chính và tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh.
- 4.9 Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của Luật doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5: Mục tiêu và phạm vi sản xuất kinh doanh

- 5.1 Mục tiêu:
 - a. Thu lợi nhuận.
 - b. Tạo việc làm ổn định cho người lao động.
 - c. Tăng cổ tức cho các cổ đông.
 - d. Đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Tổng công ty.
- 5.2 **Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty:**
 - Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật: Mã ngành 7210.

Chi tiết: Thí nghiệm đất, đá, nước, nền, móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế, kiểm tra chất lượng công trình, kiểm định chất lượng xây dựng, xác định nguyên nhân sự cố công trình;

Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu chuyên giao công nghệ: khoan, phụt, xử lý nền và thân công trình, sửa chữa xe, máy chuyên dùng và gia công cơ khí;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn có liên quan: Mã ngành 7110.

Chi tiết: Ngành môi trường nước - cấp thoát nước: Thiết kế cấp thoát nước và xử lý chất thải công trình xây dựng; Quản lý dự án, đầu tư và xây dựng công trình; Thẩm tra dự án đầu tư, thẩm tra thiết kế, thẩm định dự toán công trình; Tư vấn về lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu và hợp đồng kinh tế trong xây dựng; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt thiết bị; Giám sát thi công xây dựng công trình: lĩnh vực chuyên môn khảo sát địa chất, khảo sát trắc địa, khảo sát địa chất thủy văn;

Khảo sát xây dựng các công trình bao gồm: Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát trắc địa, khảo sát địa vật lý, khảo sát thủy văn, môi trường;

Thiết kế bao gồm: - Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; - Thiết kế hệ thống điện công trình thủy lợi, thủy điện; - Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; - Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; - Thiết kế cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; - Thiết kế kiến trúc các công trình xây dựng;

Lập dự án đầu tư quy hoạch xây dựng thủy lợi, thủy điện, lập tổng dự toán công trình xây dựng;

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Mã ngành 7490.

Chi tiết: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, các dự án thủy lợi, thủy điện;

Chuyên giao kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;

- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Mã ngành 8559.

Tham gia đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư vấn xây dựng;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Mã ngành 5510.

Kinh doanh khách sạn;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Mã ngành 6810.

Chi tiết: Cho thuê bất động sản, văn phòng;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Mã ngành 8299.

Xuất nhập khẩu, làm đại lý, dịch vụ thương mại máy móc, thiết bị, vật tư in và tư vấn về in;

- In ấn: Mã ngành 1811.

In đồ án thiết kế, các tài liệu chuyên môn nghiệp vụ, tạp chí, sách báo theo quy định và giấy phép của cơ quan có thẩm quyền;

Điều 6: Thời gian hoạt động

Thời gian hoạt động của Tổng công ty không hạn định (kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu). Việc chấm dứt hoạt động của Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 7: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tổng công ty

- 7.1 Tổng công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, công bằng dân chủ và tuân theo pháp luật.
- 7.2 Cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty là Đại hội đồng cổ đông.
- 7.3 Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản lý Tổng công ty giữa hai kỳ Đại hội, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, điều hành của Tổng công ty.
- 7.4 Quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty là Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Điều 8: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác

- 8.1 Các tổ chức: Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội phụ nữ trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của các tổ chức đó.
- 8.2 Tổng công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của mình.

CHƯƠNG II

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY

MỤC 1: QUYỀN HẠN CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 9: Quyền tự chủ quản lý sản xuất kinh doanh của Tổng công ty

- 9.1 Chủ động lựa chọn ngành nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư kể cả liên doanh, góp vốn vào doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh theo quy định không trái với pháp luật Việt Nam.
- 9.2 Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
- 9.3 Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn.
- 9.4 Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty ở trong nước và ở nước ngoài theo qui định của pháp luật Việt Nam.
- 9.5 Tuyển, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh và quy định của pháp luật Lao động.
- 9.6 Quyết định khung giá mua, bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước quy định giá.
- 9.7 Được quyền bảo vệ về quyền sở hữu công nghiệp bao gồm các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp... theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- 9.8 Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo.
- 9.9 Các quyền khác do pháp luật quy định.

Điều 10: Quyền quản lý tài chính của Tổng công ty

- 10.1 Sử dụng vốn và các quỹ của Tổng công ty để phục vụ kịp thời các nhu cầu kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn, có hiệu quả và có hoàn trả.
- 10.2 Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không dùng đến hoặc chưa dùng hết công suất.
- 10.3 Phát hành, nhượng bán các cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật để tăng vốn; được thế chấp tài sản, quyền sử dụng đất... tại các ngân hàng để vay vốn kinh doanh theo quy định của pháp luật.
- 10.4 Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm nghĩa vụ đối với nhà nước và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 10.5 Được hưởng các chế độ ưu đãi về thuế và tài chính theo quy định của Nhà nước.

MỤC 2: NGHĨA VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 11: Nghĩa vụ về vốn và các nguồn lực khác của Tổng công ty

- 11.1 Tổng công ty có nghĩa vụ bảo toàn và phát triển vốn, bao gồm cả phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp.
- 11.2 Tổng công ty có nghĩa vụ thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong bản cân đối tài sản Tổng công ty thời điểm thành lập Tổng công ty.

Điều 12: Nghĩa vụ quản lý hoạt động kinh doanh của Tổng công ty

- 12.1 Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh; chịu trách nhiệm trước khách hàng về sản phẩm và dịch vụ do Tổng công ty thực hiện.
- 12.2 Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Tổng công ty và nhu cầu thị trường.
- 12.3 Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế với các đối tác.
- 12.4 Thực hiện nghĩa vụ đối với người lao động theo qui định của Bộ luật Lao động.
- 12.5 Thực hiện đúng quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an toàn an ninh quốc gia và công tác phòng cháy chữa cháy.
- 12.6 Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của nhà nước và báo cáo bất thường theo quy định của Đại hội đồng cổ đông, chịu trách nhiệm về tính xác thực của báo cáo.
- 12.7 Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Tuân thủ các quy định về thanh tra của cơ quan tài chính và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo luật định.

Điều 13: Nghĩa vụ quản lý tài chính của Tổng công ty

- 13.1 Tổng công ty có nghĩa vụ thực hiện đúng chế độ và quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ; về kế toán, hạch toán, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do nhà nước quy định.
- 13.2 Tổng công ty có nghĩa vụ công khai báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Tổng công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 13.3 Tổng công ty thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

13.4 Tổng công ty chịu trách nhiệm vật chất đối với khách hàng trong phạm vi vốn điều lệ của Tổng công ty.

MỤC 3: MỐI QUAN HỆ CỦA TỔ HỢP CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON

Điều 14: Mối quan hệ của Tổng công ty với Công ty con và Công ty liên kết

14.1 Việc định hướng chiến lược kinh doanh chung của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con bảo đảm cho các Công ty con, Công ty liên kết và Công ty mẹ hoạt động hiệu quả nhất.

14.2 Phối hợp giữa các Doanh nghiệp trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con, Công ty liên kết để tìm kiếm, cung cấp nguồn đầu vào tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ mà từng doanh nghiệp đơn lẻ không có khả năng thực hiện, thực hiện không có hiệu quả hoặc hiệu quả thấp hơn so với khi có sự phối hợp của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.

14.3 Hạn chế đầu tư, kinh doanh các dịch vụ, sản phẩm trùng lặp hoặc cạnh tranh nội bộ dẫn đến phân tán, lãng phí nguồn lực, giảm hiệu quả kinh doanh của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.

14.4 Thực hiện hoạt động nghiên cứu, tiếp xúc, xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con mở rộng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

14.5 Thực hiện các quyền chi phối đối với các Công ty con và thỏa thuận đối với các Công ty liên kết theo quy định pháp luật.

14.6 Thực hiện sản xuất kinh doanh trên cơ sở ký kết hợp đồng kinh tế bình đẳng giữa Công ty mẹ - Công ty con, Công ty liên kết.

14.7 Các Công ty con, Công ty liên kết được sử dụng thương hiệu HEC để quảng cáo, giao dịch, xây dựng thương hiệu ngày càng uy tín và vững mạnh; Đồng thời phải có nghĩa vụ đóng góp tài chính về việc sử dụng thương hiệu.

CHƯƠNG III

VỐN - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

MỤC 1: VỐN

Điều 15: Vốn điều lệ

- 15.1 Vốn điều lệ được góp bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ, bằng hiện vật và được hạch toán theo một đơn vị là đồng Việt Nam.
- 15.2 Vốn điều lệ của Tổng công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP tại thời điểm thành lập được xác định là: 44.000.000.000 đồng Việt Nam (Bốn mươi bốn tỷ đồng).
- 15.3 Cơ cấu vốn phân theo sở hữu:
- Vốn thuộc sở hữu Nhà nước: 21.560.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 49% vốn điều lệ.
 - Vốn thuộc sở hữu tổ chức Công đoàn: 120.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 0,27% vốn điều lệ.
 - Vốn thuộc sở hữu các cổ đông mua theo giá ưu đãi: 7.677.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 17,45% vốn điều lệ.
 - Vốn thuộc sở hữu các cổ đông khác: 14.643.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 33,28% vốn điều lệ.
- 15.4 Việc tăng giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phải thực hiện đăng ký với Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội nơi Tổng công ty đặt trụ sở chính.
- 15.5 Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh như:
- Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Tổng công ty.
 - Mua sắm tài sản cố định, máy móc, trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động của Tổng công ty.
 - Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ.
 - Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn liên doanh.
 - Các dự trữ cần thiết.
- 15.6 Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định).

MỤC 2 : CỐ PHẦN - CỐ PHIẾU

Điều 16: Cổ phần

- 16.1 Vốn điều lệ ban đầu được chia làm 4.400.000 cổ phần, mỗi cổ phần trị giá 10.000 đồng.

16.2 Vốn cổ phần có thể đóng góp bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ và các phương tiện thiết bị, tài sản khác như: giá trị sở hữu trí tuệ, công nghệ... phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Ngoại tệ và vàng được quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỷ giá mua của Ngân hàng Nhà nước công bố vào thời điểm các cổ đông mua cổ phần. Phần góp vốn bằng hiện vật phải được Hội đồng quản trị xem xét, chấp thuận định giá.

Điều 17: Cổ phiếu

17.1 Tổng công ty phát hành hai loại cổ phiếu:

a. Cổ phiếu ghi tên:

- Là cổ phiếu sở hữu chủ là Nhà nước, thành viên Hội đồng quản trị, người lao động được mua với giá ưu đãi khi Công ty tiến hành cổ phần hoá.
- Mỗi loại cổ phiếu ghi tên phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của pháp nhân hay người sở hữu, phải được đóng dấu chính thức của Tổng công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP, ghi rõ số lượng cổ phần, loại cổ phần và số tiền đóng góp.
- Việc chuyển nhượng các cổ phiếu ghi tên phải tuân theo các quy định trong bản Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

b. Cổ phiếu không ghi tên gồm:

- Cổ phiếu phát hành cho các cổ đông không phải là các đối tượng nêu tại điểm a trên đây.
- Cổ phiếu mới phát hành khi Tổng công ty tăng vốn điều lệ.
- Cổ phiếu không ghi tên được chuyển nhượng theo quy định của Điều lệ này.

c. Tổng công ty có thể bán cổ phần mà chưa trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại **Khoản 2 Điều 121 Luật Doanh nghiệp** được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Tổng công ty.

17.2 Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần:

- a. Mọi cổ đông đều được cấp một Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần.
- b. Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần phải được đóng dấu Tổng công ty và có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền bằng văn bản theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần phải thể hiện họ tên cổ đông, số

lượng và loại cổ phần nắm giữ và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định.

- c. Sau khi mua hoặc chuyển nhượng cổ phần và được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, cổ đông sẽ được cấp miễn phí một Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần.
- d. Số lượng cổ phần mua hay bán sẽ được bộ phận quản lý sổ đăng ký cổ đông ghi tăng giảm trên Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần.
- e. Nếu Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ thì cổ đông sẽ được cấp Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần mới với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty.

Điều 18: Phát hành và chào bán cổ phần

- 18.1 Khi hội đủ các điều kiện theo luật định, căn cứ vào nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty làm thủ tục đăng ký phát hành thêm cổ phần.
- 18.2 Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán các cổ phần. Giá chào bán các cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, trừ những trường hợp sau:
 - a. Cổ phần chào bán đầu tiên sau khi đăng ký kinh doanh.
 - b. Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có.
 - c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh: trong trường hợp này, giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường trừ đi phần môi giới và bảo lãnh.
- 18.3 Cổ phần đã được bán hoặc cổ phần đã được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ những thông tin quy định tại **Điều 121 Luật Doanh nghiệp** vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Tổng công ty. Sau khi thanh toán đủ số tiền mua cổ phần, Tổng công ty cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông.
- 18.4 Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần được thực hiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán.

Điều 19: Mua bán chuyển nhượng và thừa kế cổ phần

- 19.1 Cổ phần của Tổng công ty được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này. Cổ đông muốn chuyển nhượng cổ phần phải

đăng ký tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc tổ chức được Tổng công ty uỷ quyền quản lý sổ đăng ký cổ đông.

- 19.2 Cổ phần thuộc vốn nhà nước được bán với giá trị ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp khi cổ phần hoá chỉ được chuyển nhượng sau 03 năm kể từ ngày trả đủ tiền mua cổ phần.
- 19.3 Trong 03 năm đầu kể từ ngày Tổng công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần có quyền chào bán của Tổng công ty. Sau thời hạn 03 năm, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều bãi bỏ.
- 19.4 Thủ tục chuyển nhượng cổ phần của Tổng công ty sẽ theo quy chế chuyển nhượng do Hội đồng quản trị ban hành, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Quy chế này được công bố công khai cho tất cả các cổ đông của Tổng công ty.

MỤC 3 : CỐ ĐÔNG

Điều 20: Quy định chung về cổ đông

- 20.1 Cổ đông của Tổng công ty là những pháp nhân và cá nhân sở hữu 01 hoặc nhiều cổ phần của Tổng công ty. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.
- 20.2 Cổ đông được công nhận chính thức sau khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Tổng công ty.
- 20.3 Các tổ chức nước ngoài có thể mua cổ phần của Tổng công ty theo quy định của nhà nước.
- 20.4 Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại Tổng công ty:
 - a. Cổ đông là cá nhân có thể uỷ quyền cho người khác có đầy đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Tổng công ty.
 - b. Việc uỷ quyền nêu trên phải thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị của Tổng công ty.
 - c. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.

- d. Trong trường hợp một cổ đông pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ thì cổ đông pháp nhân mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để Hội đồng quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của Tổng công ty này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác theo thông báo của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thanh lý của pháp nhân đó.

Điều 21: Quyền của cổ đông phổ thông

21.1 Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

- a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có 01 phiếu biểu quyết.
- b. Được nhận cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty.
- d. Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông.
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, Sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- g. Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Tổng công ty.
- h. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

21.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu đại diện cho trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây :

- a. Yêu cầu triệu tập họp đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp quy định tại **Khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp**.

- b. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (nếu có).
 - c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam, và các báo cáo của Ban Kiểm soát.
- 21.3 Cổ đông được thông tin thường kỳ về tình hình hoạt động của Tổng công ty; được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh có liên quan đến quyền lợi cổ đông (trừ những bí mật về hoạt động kinh doanh của Tổng công ty bao gồm marketing, cách chọn lựa đối tác, phương pháp tác nghiệp kinh doanh...).

Điều 22: Trách nhiệm và nghĩa vụ cổ đông

- 22.1 Góp đủ vốn cổ phần đã đăng ký. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.
- 22.2 Chấp hành Điều lệ của Tổng công ty.
- 22.3 Thực hiện nghiêm chỉnh các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, góp ý kiến về hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát.
- 22.4 Chịu trách nhiệm về số lỗ của Tổng công ty tương ứng với số cổ phần phổ thông mình sở hữu và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Tổng công ty trong phạm vi số cổ phần của mình.
- 22.5 Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.
- 22.6 Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Tổng công ty.

MỤC 4: MUA LẠI CỔ PHẦN

Điều 23: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

- 23.1 Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông qui định tại Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định để bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nói tại Khoản này.
- 23.2 Tổng công ty phải mua lại số cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 23.1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá, thì các bên có quyền yêu cầu chọn một tổ chức chuyên nghiệp để định giá.

Điều 24: Mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng công ty

Tổng công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hay toàn bộ cổ phần loại khác theo quy định sau:

- 24.1 Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.
- 24.2 Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 24.3 Điều này.
- 24.3 Tổng công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Tổng công ty. Trong trường hợp này quyết định mua lại cổ phần của Tổng công ty phải được thông báo đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải nêu rõ tổng số cổ phần, giá mua lại, nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Tổng công ty. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Tổng công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo.

Điều 25: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

- 25.1 Tổng công ty chỉ được quyền thanh toán hết các cổ phần được mua lại cho cổ đông nếu ngay sau khi thanh toán Tổng công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

- 25.2 Tất cả các cổ phần được mua lại này được coi là cổ phần thu về chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán, có biên bản cụ thể về số cổ phần này; Đồng thời phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ.
- 25.3 Sau khi thanh toán hết các cổ phần được mua lại nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của Tổng công ty giảm hơn 10% thì Tổng công ty phải thông báo điều đó cho các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết các cổ phần được mua lại.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

MỤC 1: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 26: Đại hội đồng cổ đông

- 26.1 Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông gồm 03 hình thức: Đại hội đồng cổ đông thành lập, Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường. **Quyền dự họp** Đại hội đồng cổ đông được quy định tại **Điều 140 Luật Doanh nghiệp**.
- 26.2 Đại hội đồng cổ đông chỉ tiến hành họp lệ khi có đủ điều kiện được quy định tại Điều 35 của Điều lệ này.
- 26.3 Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo Điều 37 của Điều lệ này.

Điều 27: Đại hội đồng cổ đông thành lập

Đại hội đồng cổ đông thành lập có nhiệm vụ:

- 27.1 Thảo luận và thông qua Điều lệ.
- 27.2 Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- 27.3 Thảo luận và thông qua các phương án chiến lược sản xuất kinh doanh, các dự án đầu tư
- 27.4 Các nội dung khác theo thẩm quyền phù hợp với luật pháp

Điều 28: Đại hội đồng cổ đông thường niên có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- 28.1 Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm.
- 28.2 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
- 28.3 Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty.
- 28.4 Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.
- 28.5 Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty.
- 28.6 Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
- 28.7 Thông qua định hướng phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Tổng công ty.
- 28.8 Quyết định **đầu tư hoặc** bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn **35%** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.
- 28.9 Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- 28.10 Các quyền và nhiệm vụ khác được qui định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng công ty.

Điều 29: Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 29.1 Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.
- 29.2 Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.
- 29.3 Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 21 Điều lệ này.
- 29.4 Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- 29.5 Các trường hợp khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 30: Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

- 30.1 Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần.
- 30.2 Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp:

- a. Theo quyết định của Hội đồng quản trị.
 - b. Khi số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại **Điểm a** Khoản 2 Điều 21 Điều lệ này hoặc của Ban kiểm soát trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
- 30.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày **số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại Điểm b** hoặc nhận được yêu cầu quy định tại **Điểm c** Khoản 30.2 Điều này.
- Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị **và các thành viên Hội đồng quản trị** phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.
- 30.4 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như Khoản 30.3 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.
- 30.5 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 30.4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này có quyền **đại diện Tổng công ty** triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp. Tất cả những chi phí hợp lý, hợp lệ chi cho việc triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

Điều 31: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 31.1 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập **không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp** Đại hội đồng cổ đông.

- 31.2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú, **chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân**; tên, **địa chỉ trụ sở chính** của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông.
- 31.3 **Cổ đông đều có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.**

Điều 32: Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

- 32.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp.
- 32.2 Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại Khoản 2 Điều 21 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 32.3 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều 21 Điều lệ này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33: Mời họp Đại hội đồng cổ đông

- 33.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi **thông báo** mời họp đến các đại diện cổ đông và cổ đông có quyền dự họp chậm nhất **10 ngày** làm việc trước ngày khai mạc.
- 33.2 Kèm theo **thông báo** mời họp phải có chương trình họp, địa điểm, thời gian họp và các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định.
- 33.3 **Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.**

Điều 34: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 34.1 Cổ đông có quyền dự họp có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 34.2 Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.
- 34.3 Đại biểu đương nhiên dự Đại hội đồng cổ đông là các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

Điều 35: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 35.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 35.2 Trường hợp cuộc họp thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định của Khoản 1 Điều 35, thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **33%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 35.3 Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo qui định của Khoản 2 Điều 35, thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào **tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp**.
- 35.4 Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định **Điều 139** Luật Doanh nghiệp.

Điều 36: Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 36.1 **Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.** Ban tổ chức Đại hội có trách nhiệm kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội, lập danh sách hiện diện (ghi số cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện). Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.
- 36.2 **Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:**

- a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 - b. Chủ tọa cử thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
- 36.3 Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc.
- 36.4 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành. Cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
- 36.5 Các thể thức khác tuân theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 37: Điều kiện để Nghị quyết được thông qua

- 37.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 37.2 Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
 - f. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
 - g. Các vấn đề khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- 37.3 Các Nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 37.2 và Khoản 37.4 Điều này.
- 37.4 Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
- 37.5 Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.
- 37.6 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; **có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.**

Điều 38: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 38.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Tổng công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau:
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
 - Chương trình làm việc.
 - Chủ tọa và thư ký.
 - Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông.
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết.
 - Các quyết định đã được thông qua.
 - Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
- 38.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc 02 uỷ viên HĐQT.

Điều 39: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời gian 90 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát có quyền yêu cầu toà án xem xét và huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 39.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
- 39.2 Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

MỤC 2: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 40: Hội đồng quản trị

- 40.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 40.2 Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên trong đó có tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty.
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - c. Quyết định chào bán số cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty.
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp.
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty.
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Tổng công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc; quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
 - m. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Tổng công ty.
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
- 40.3 Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có 01 phiếu biểu quyết.
- 40.4 Hội đồng quản trị có thể đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm điều lệ, nghị quyết và quy định của Hội đồng quản trị.
- 40.5 Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, những sai phạm trong quản trị gây thiệt hại cho Tổng công ty.
- 40.6 Lương hoặc phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 41: Tiêu chuẩn và điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải là những người có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- 41.1 Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.
- 41.2 Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty.
- 41.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm làm: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác.
- 41.4 Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật.

Điều 42: Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

- 42.1 **Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm.**
- 42.2 Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ.
- 42.3 Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 43: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 43.1 Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty.
- 43.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.
 - e. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.
 - f. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
- 43.3 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

Điều 44: Cuộc họp Hội đồng quản trị

- 44.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị:
- a. Mỗi quý phải họp ít nhất một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
 - b. Theo đề nghị bằng văn bản của Ban kiểm soát; hoặc đề nghị của Tổng giám đốc; hoặc đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị hoặc những người khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
- 44.2 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 03 thành viên trở lên trên tổng số 05 thành viên của HĐQT tham dự. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 44.3 Thủ tục triệu tập và tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
- 44.4 Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản, Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 45: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

- 45.1 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Trung tâm, Giám đốc Công ty phụ thuộc, cán bộ quản lý các đơn vị khác trong Tổng công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị trong Tổng công ty.
- 45.2 Cán bộ quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 46: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT

- 46.1 Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp hoặc Điều 41 của Điều lệ này.
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - Có đơn từ chức.
- 46.2 Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 46.3 Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm 02 thành viên trong tổng số 05 thành viên HĐQT trở lên so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm theo quy định trên để bầu bổ sung.
- 46.4 Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị giảm.

Điều 47: Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị

- 47.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm và quyền hạn sau:
- Như Khoản 2 Điều 43 Điều lệ này.
 - Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình.
- 47.2 Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch phân công, thay mặt Chủ tịch thực thi công việc được uỷ quyền

quy định tại Khoản 3 Điều 43 Điều lệ này trong thời gian Chủ tịch vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao.

- 47.3 Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công, không uỷ quyền cho người khác. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị như sau:
- a. Nghiên cứu đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong từng thời kỳ.
 - b. Được quyền yêu cầu các cán bộ chức danh trong Tổng công ty (Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Công ty phụ thuộc, Giám đốc Trung tâm ...) cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.
 - c. Tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình.
 - d. Thực hiện Điều lệ của Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

MỤC 3: NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 48: Chủ sở hữu nhà nước giao nhiệm vụ cho Người đại diện vốn nhà nước quyết định các nội dung sau của Tổng công ty

- 48.1 Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp.
- 48.2 Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ của Tổng công ty.
- 48.3 Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- 48.4 Việc đề cử để bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; đề cử để bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc Tổng công ty. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên

Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Tổng công ty; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty.

- 48.5 Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của Tổng công ty.
- 48.6 Chủ trương thành lập công ty con; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện.
- 48.7 Chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.
- 48.8 Báo cáo tài chính hàng năm, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hàng năm của Tổng công ty.

Điều 49: Trách nhiệm của người đại diện vốn nhà nước

Người đại diện được ủy quyền để thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước có trách nhiệm tuân thủ pháp luật; thực hiện đúng nhiệm vụ được chủ sở hữu nhà nước giao khi quyết định những nội dung nêu tại Điều 48 Điều lệ này; báo cáo kịp thời cho chủ sở hữu về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

MỤC 4: BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 50: Tổng giám đốc

- 50.1 Tổng giám đốc là người đại diện pháp luật của Tổng công ty.
- 50.2 Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, không nhất thiết là cổ đông và cũng không nhất thiết là thành viên Hội đồng quản trị.
- 50.3 Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về trách nhiệm điều hành Tổng công ty.

Tổng giám đốc Tổng công ty không được đồng thời làm Giám đốc, Tổng giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị ở doanh nghiệp ngoài Tổng công ty.

50.4 Giúp việc Tổng giám đốc có các Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng giám đốc.

Điều 51: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc

Tổng giám đốc cần có đủ các điều kiện sau:

51.1 Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

51.2 Có trình độ đại học một trong các ngành kinh tế - kỹ thuật hoặc quản trị kinh doanh; có ít nhất 10 năm công tác trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty; có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Tổng công ty, hiểu biết pháp luật.

Điều 52: Chức năng và nhiệm vụ của Tổng giám đốc

52.1 Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty và tuân thủ pháp luật.

52.2 Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

52.3 Bảo toàn và phát triển vốn thực hiện theo phương án kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và thông qua Đại hội đồng cổ đông.

52.4 Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty.

52.5 Xây dựng và trình Hội đồng quản trị kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm.

52.6 Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Tổng công ty.

52.7 Quyết định giá mua, giá bán nguyên liệu, sản phẩm (trừ những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước quy định).

52.8 Quyết định các biện pháp tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất.

52.9 Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

52.10 Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các Trưởng, Phó phòng nghiệp vụ và chuyên môn.

Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hoặc chấm dứt hợp đồng lao động; khen thưởng, kỷ luật với lãnh đạo, **người lao động** dưới quyền thuộc Công ty mẹ.

- 52.11 Ký kết các hợp đồng kinh tế theo luật định.
- 52.12 Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
- 52.13 Đại diện Tổng công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Tổng công ty khi được Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản.
- 52.14 Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc.

Điều 53: Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng giám đốc

- 53.1 Tổng giám đốc là người có quyền quyết định cao nhất về mọi hoạt động nghiệp vụ của Tổng công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- 53.2 Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch, Phó chủ tịch hay các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ và trái nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo cho các Kiểm soát viên.
- 53.3 Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng lao động; khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc đối với người lao động phù hợp với pháp luật lao động.
- 53.4 Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong các trường hợp khẩn cấp như: thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố... và chịu trách nhiệm về các quyết định này đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.
- 53.5 Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Tổng công ty.

Điều 54: Ủy quyền - Ủy nhiệm

- 54.1 Tổng giám đốc Tổng công ty có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các Phó Tổng giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của của Tổng công ty và chịu trách nhiệm pháp lý trước ủy quyền, ủy nhiệm của mình.

- 54.2 Người được Tổng giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và pháp luật về những công việc mình làm.
- 54.3 Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan đến con dấu Tổng công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.
- 54.4 Các đơn vị thành viên, Trưởng phòng, Ban trong Tổng công ty có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các nhân viên cấp dưới của mình.

Điều 55: Tù nhiệm và đương nhiên mất tư cách

- 55.1 Khi Tổng giám đốc muốn tù nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định.
- 55.2 Tổng giám đốc Tổng công ty không đạt mục tiêu kế hoạch 02 năm liên tiếp, Tổng giám đốc đương nhiên tù chức.
- 55.3 Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- a. Chết, mất trí, mất quyền công dân.
 - b. Tự ý bỏ nhiệm sở.
- 55.4 Trường hợp Tổng giám đốc bị mất tư cách, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để thay thế.

Trong thời hạn tối đa 20 ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

Điều 56: Nghĩa vụ của người quản lý Tổng công ty

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Tổng công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

- 56.1 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, khẩn cấp, vì lợi ích của Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty.
- 56.2 Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, tài sản của Tổng công ty để thu lợi riêng cho cá nhân, cho người khác; không được đem tài sản của Tổng công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Tổng công ty, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận.
- 56.3 Khi Tổng công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:

- a. Phải thông báo tình hình tài chính của Tổng công ty cho tất cả các chủ nợ biết.
- b. Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho **người lao động** của Tổng công ty, kể cả cho người quản lý.
- c. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại gây ra đối với chủ nợ do không thực hiện quy định tại các điểm a, b của Khoản này.
- d. Kiến nghị các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Tổng công ty.

MỤC 5 : THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CÁC LOẠI HỢP ĐỒNG

Điều 57: Các hợp đồng, **giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận**

- 57.1 Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông **sở hữu trên 10%** tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ.
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ.
 - c. Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.
- 57.2 Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn **35%** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng và giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- 57.3 Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 57.2 Điều này. Cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện **65%** tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.
- 57.4 Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 57.2 và 57.3 Điều này và Khoản 2 và 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp, gây thiệt hại cho Tổng công ty. Những người có liên quan thì phải

liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

MỤC 6: BAN KIỂM SOÁT

Điều 58: Ban Kiểm soát

- 58.1 Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 58.2 Các kiểm soát viên bầu 01 người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty.
- 58.3 Lương hoặc phụ cấp của thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 59: Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

- 59.1 Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 59.2 Kiểm soát viên là cổ đông, có trình độ, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Tổng công ty, trong đó có ít nhất 01 Kiểm soát viên phải có nghiệp vụ về tài chính kế toán.
- 59.3 Kiểm soát viên không được là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng công ty; không phải là những người có liên quan là: bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, vợ, chồng, con ruột, con nuôi, anh em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng công ty.
- 59.4 Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 60: Nhiệm kỳ Kiểm soát viên

- 60.1 Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.
- 60.2 Trong nhiệm kỳ có khuyết Kiểm soát viên thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu thay thế theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín.
- 60.3 Trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban kiểm soát thì số Kiểm soát viên còn lại cử người tạm thời thay thế.

60.4 Trường hợp khuyết Kiểm soát viên có nghiệp vụ về tài chính kế toán, Hội đồng quản trị phải tạm cử người thay cho đến khi triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung.

Điều 61: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

61.1 Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

61.2 Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp.
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 62: Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

62.1 Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty. Chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

62.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động và kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

62.3 Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định, báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Tổng công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

62.4 Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại Khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp.

62.5 Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại Khoản 2 **Điều 114 Luật Doanh nghiệp**, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát qui định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

62.6 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

62.7 Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý qui định tại Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản tới Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

62.8 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo qui định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

62.9 Ban Kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 63: Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát

63.1 Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Công ty phụ thuộc, Giám đốc Trung tâm và các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

63.2 Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Tổng công ty làm việc.

63.3 Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Tổng công ty.

CHƯƠNG V
CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG
VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 64: Chế độ và quyền lợi của người lao động

64.1 Chế độ tuyển dụng:

Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Tổng giám đốc (hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền) và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật.

64.2 Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Tổng công ty:

- a. Người lao động đang làm việc cho Công ty Tư vấn dựng thủy lợi Việt Nam theo chế độ hợp đồng lao động khi chuyển sang Tổng công ty sẽ được ký lại hợp đồng lao động với người sử dụng lao động trên cơ sở kế thừa hợp đồng lao động đã ký kết từ khi còn là doanh nghiệp Nhà nước.
- b. Đối với số lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì giải quyết theo chế độ hiện hành.
- c. Khi chuyển sang Tổng công ty, mọi chế độ như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo pháp luật được Tổng công ty tiếp tục thực hiện.
- d. Sau 12 tháng kể từ khi doanh nghiệp chuyển thành Tổng công ty, nếu do nhu cầu tổ chức lại hoạt động, kinh doanh, thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động mất việc làm thì chính sách đối với người lao động này được giải quyết theo những quy định hiện hành của Chính phủ.

CHƯƠNG VI
TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Điều 65: Quyết toán tài chính

- 65.1 Năm tài chính của Tổng công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hàng năm.
- 65.2 Tổng công ty thực hiện hạch toán kế toán theo đúng Luật kế toán thống kê hiện hành.

- 65.3 Cuối mỗi niên khoá, Hội đồng quản trị xem xét, thông qua quyết toán để trình Đại hội đồng cổ đông:
- Bảng cân đối kế toán của Tổng công ty.
 - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
 - Thuyết minh báo cáo tài chính.
 - Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối niên độ.
 - Các bản báo cáo này phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít nhất trước 15 ngày của kỳ Đại hội thường niên.
- 65.4 Sau Đại hội, các văn bản, biên bản Đại hội đồng cổ đông và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại văn phòng Tổng công ty theo luật định.

Điều 66: Trả cổ tức và lập quỹ

- 66.1 Tổng công ty trả cổ tức cho cổ đông khi Tổng công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các quỹ (dự phòng tài chính, phát triển sản xuất, khen thưởng, kỷ luật ...) theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Tổng công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Việc trích lập các quỹ và mức cổ tức được trả do Hội đồng quản trị kiến nghị với Đại hội cổ đông thông qua quyết định và được tính theo tỷ lệ % có xem xét tình hình thực tế hàng năm trên lợi nhuận sau thuế.

- 66.2 Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức phải trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

Thông báo ghi rõ họ tên, địa chỉ cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức tối đa đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm trả cổ tức là theo kỳ hạn năm.

Điều 67: Xử lý kinh doanh thua lỗ

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- 67.1 Trích từ quỹ dự phòng tài chính.

67.2 Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp khắc phục.

Điều 68: Yêu cầu về kiểm toán

Đối với Tổng công ty mà pháp luật yêu cầu phải được kiểm toán, thì báo cáo tài chính hàng năm phải được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Điều 69: Công khai thông tin về Tổng công ty

69.1 Đại hội cổ đông phải họp trong thời hạn 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, có thể gia hạn nhưng không quá 6 tháng. Tổng công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền, theo quy định của Luật Kế toán và những văn bản pháp luật có liên quan.

69.2 Tóm tắt nội dung báo cáo hàng năm, phải được thông báo đến tất cả các cổ đông.

69.3 Mọi tổ chức, cá nhân có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh.

CHƯƠNG VII

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, THANH LÝ VÀ TRANH TỤNG

Điều 70: Tổ chức lại doanh nghiệp

70.1 Căn cứ vào điều kiện thị trường, tình hình cạnh tranh, Tổng công ty có thể được tổ chức lại cho phù hợp nhằm duy trì và phát triển một cách ổn định, lâu dài.

70.2 Việc tổ chức lại do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị.

70.3 Hình thức tổ chức lại được lựa chọn trong các giải pháp hợp nhất doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp với một hay một số doanh nghiệp khác có ngành nghề kinh doanh tương tự.

70.4 Thủ tục tổ chức lại được tiến hành theo như quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 71: Giải thể, thanh lý.

Tổng công ty giải thể trong các trường hợp sau:

- 71.1 Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Tổng công ty thua lỗ liên tục.
- 71.2 Bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy phép kinh doanh.
- 71.3 Khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Đại hội đồng cổ đông lập Hội đồng thanh lý thay thế Hội đồng quản trị để cùng Ban kiểm soát làm nhiệm vụ thanh lý Tổng công ty theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành.
- 71.4 Trong thời gian thanh lý, các Thanh lý viên và Kiểm soát viên có quyền đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết.

Điều 72: Tố tụng, Tranh chấp

- 72.1 Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng có liên quan đến Tổng công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan chức năng Nhà nước theo quy định hiện hành.
- 72.2 Mọi cổ đông có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Tổng công ty gây ra. Nếu Hội đồng quản trị bỏ qua thì các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 73: Chế độ lưu giữ tài liệu của Tổng công ty

- 73.1 Tổng công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:
- a. Điều lệ Tổng công ty, sửa đổi hoặc bổ sung Điều lệ Tổng công ty, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, sổ đăng ký cổ đông.
 - b. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm.
 - c. Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Tổng công ty.
 - d. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định đã được thông qua.
 - e. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán.

- f. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.
- g. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm.
- h. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

73.2 Tổng công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại Khoản 73.1 ở trụ sở chính hoặc nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 74: Con dấu

74.1 Con dấu của Tổng công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của cơ quan chức năng và được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước.

74.2 Hội đồng quản trị giao cho Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 75: Điều khoản thi hành

75.1 Tổng công ty được chính thức hoạt động khi Đại hội đồng cổ đông thành lập đã làm đủ các thủ tục sau đây:

- a. Xác nhận danh sách cổ đông đã mua hết cổ phần phát hành và cam kết đóng đủ tiền theo quy định của Nhà nước.
- b. Đã bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và cử Tổng giám đốc điều hành.
- c. Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và chấp thuận toàn bộ các điều khoản trong bản Điều lệ.
- d. Đã giao quyền quản lý, điều hành Tổng công ty cho Hội đồng quản trị.
- e. Hoàn tất các thủ tục đối với cơ quan Nhà nước theo luật pháp hiện hành.

75.2 Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, có những Điều, Khoản của Điều lệ không phù hợp thì đến kỳ Đại hội đồng cổ đông tiếp theo sẽ xem xét sửa đổi, bổ sung. Nếu có Điều, Khoản, nội dung nào chưa được quy định cụ thể trong Điều lệ thì sẽ áp dụng theo Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.

Điều 76: Đăng ký Điều lệ

Bản Điều lệ này bao gồm 8 Chương 76 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP thông qua và chấp thuận toàn bộ vào ngày 28 tháng 4 năm 2016.

Điều lệ được lập thành 10 bản chính có giá trị như nhau, trong đó:

- 01 bản gửi Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.
- 01 bản lưu giữ tại Văn phòng Tổng công ty
- 08 bản lưu giữ tại Văn phòng Hội đồng quản trị.
- Các bản trích hay bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**


Võ Văn Lung

**PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT
TỔNG GIÁM ĐỐC**


Nguyễn Ngọc Lâm

THÀNH VIÊN HĐQT

1- Ông Lê Mạnh Hiệp: 

2- Ông Đỗ Ngọc Cương: 

3- Ông Nguyễn Chí Trường: 